

Số: 413 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành

Luật Bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Quyết định số 2197/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 10;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Vụ trưởng Vụ pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTTg Trịnh Đình Dũng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu VT, PC, TCMT.

BỘ TRƯỞNG



Trần Hồng Hà

KẾ HOẠCH

Triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội Khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Để triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường đến nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm công tác bảo vệ môi trường; nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của người dân trong tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, đặc biệt là các quy định mới;

b) Xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường, bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả;

c) Xác định cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị trong và ngoài Bộ trong thực hiện các hoạt động triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Bộ trưởng; sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

b) Nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, đảm bảo chất lượng và tiến độ hoàn thành công việc;

c) Có lộ trình thực hiện cụ thể để bảo đảm kịp thời thực hiện các hoạt động triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

d) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giải quyết những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện để đảm bảo tiến độ, hiệu quả của việc triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

II. NỘI DUNG

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật Bảo vệ môi trường

a) Tổng cục Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và chuyên gia có liên quan biên soạn tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền, tập huấn, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường; chủ trì, phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các cơ quan, đơn vị thuộc các Bộ, cơ quan ngang bộ có liên

quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường với nội dung, hình thức phù hợp đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân hiểu rõ, thực hiện;

b) Các Tổng cục, các Cục thuộc Bộ trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường bằng các hình thức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và từng đối tượng, địa bàn (thông qua lồng ghép chuyên đề trong các hội nghị, lớp tập huấn, cập nhật kiến thức pháp luật mới theo kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật);

c) Thời gian thực hiện: Năm 2021 và các năm tiếp theo.

2. Tổ chức rà soát văn bản pháp luật

a) Tổng cục Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế, Vụ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có liên quan tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành có liên quan đến Luật Bảo vệ môi trường; kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường; tổng hợp kết quả rà soát trong tháng 6 năm 2021;

b) Cục Biến đổi khí hậu chủ trì, phối hợp với Tổng cục Môi trường tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu; kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường; gửi kết quả rà soát về Tổng cục Môi trường trong tháng 6 năm 2021 để tổng hợp;

c) Cục Quản lý tài nguyên nước chủ trì, phối hợp với Tổng cục Môi trường tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi và các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tài nguyên nước có liên quan đến Luật Bảo vệ môi trường; kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường; gửi kết quả rà soát về Tổng cục Môi trường trong tháng 6 năm 2021 để tổng hợp;

d) Tổng cục Quản lý đất đai, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Tổng cục Khí tượng Thủy văn chủ trì, phối hợp với Tổng cục Môi trường tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi, chức năng quản lý của mình có liên quan đến Luật Bảo vệ môi trường; kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường; gửi kết quả rà soát về Tổng cục Môi trường trong tháng 6 năm 2021 để tổng hợp;

đ) Các Cục, Vụ trực thuộc Bộ chủ trì, phối hợp với Tổng cục Môi trường tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi, chức năng quản lý của mình có liên quan đến Luật Bảo vệ môi trường; kiến nghị việc sửa đổi, bổ

sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường; gửi kết quả rà soát về Tổng cục Môi trường trong tháng 6 năm 2021 để tổng hợp.

3. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các nội dung được giao trong Luật Bảo vệ môi trường

a) Danh mục và phân công đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường tại Phụ lục 01 kèm theo Kế hoạch này.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm:

- Trực tiếp phụ trách, chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về chất lượng, tiến độ xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

- Chỉ đạo soạn thảo nội dung văn bản theo phân công; tổng hợp nội dung, hồ sơ dự thảo văn bản theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật do các đơn vị soạn thảo nội dung gửi đến, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch xây dựng văn bản;

- Phối hợp với Vụ Pháp chế trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản; phối hợp với Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan giải quyết hoặc kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng đối với những khó khăn, vướng mắc hoặc đề xuất bổ sung văn bản để quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường trong quá trình soạn thảo văn bản.

b) Phân công đơn vị soạn thảo nội dung Nghị định và Thông tư quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường tại Phụ lục 02 kèm theo Kế hoạch này.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo nội dung có trách nhiệm:

- Chỉ đạo soạn thảo nội dung văn bản theo phân công, kèm theo nội dung hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung được phân công soạn thảo trong hồ sơ dự thảo Nghị định trình Chính phủ, hồ sơ dự thảo Thông tư trình Bộ trưởng theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Chịu trách nhiệm về tính khoa học, tính khả thi, thống nhất và đồng bộ của nội dung văn bản pháp luật và nội dung hồ sơ, tài liệu liên quan do cơ quan, đơn vị mình soạn thảo;

- Gửi nội dung văn bản pháp luật và nội dung hồ sơ, tài liệu liên quan đến đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản, đảm bảo thời hạn quy định tại Phụ lục 02 kèm theo Kế hoạch này.

c) Phân công đơn vị thuộc Bộ phối hợp xây dựng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường do các Bộ, ngành chủ trì soạn thảo tại Phụ lục 03 kèm theo Kế hoạch này.

d) Cục Biến đổi khí hậu xây dựng kế hoạch phân công đơn vị soạn thảo nội dung Nghị định của Chính phủ quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống quốc

gia kiểm kê khí nhà kính; hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó biến đổi khí hậu, bảo đảm tiến độ, chất lượng.

đ) Thanh tra Bộ chủ trì soạn thảo Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, bảo đảm tiến độ, chất lượng; chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế, Tổng cục Môi trường trình Bộ trưởng quyết định thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định, hoàn thành trước 15 tháng 3 năm 2021.

e) Vụ Pháp chế chủ trì thẩm định độc lập, chịu trách nhiệm về tính pháp lý các dự thảo văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, đảm bảo chất lượng, tiến độ theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

g) Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ động phối hợp với đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Các đơn vị trực thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và được phân công theo Kế hoạch này có trách nhiệm bố trí các điều kiện, cơ sở hạ tầng cần thiết phục vụ việc triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường, trong đó đặc biệt chú trọng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để áp dụng thực hiện triển khai thi hành Luật, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và chất lượng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ trong phạm vi quản lý của mình chủ động, tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch này theo nhiệm vụ được phân công, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm.

Hàng năm, Tổng cục Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan đánh giá, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho công tác triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Đối với các hoạt động trong Kế hoạch được triển khai trong năm 2021, các cơ quan, đơn vị được phân công thực hiện có trách nhiệm lập dự toán bổ sung và sắp xếp, bố trí kinh phí trong nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 để tổ chức thực hiện.

Cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì thực hiện các nội dung, nhiệm vụ cụ thể trong Kế hoạch này có trách nhiệm chủ động sắp xếp, bố trí kinh phí trong nguồn ngân sách năm đã được phê duyệt; dự toán bổ sung kinh phí thực hiện Kế hoạch và huy động các nguồn kinh phí hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật để

tổ chức thực hiện.

Vụ Kế hoạch - Tài chính bảo đảm kinh phí để triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, bố trí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để kịp thời triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tổng cục Môi trường có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch theo đúng tiến độ và tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng kết quả thực hiện Kế hoạch này./.



PHỤ LỤC 01

Danh mục và phân công đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường
(Kèm theo Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên văn bản quy định chi tiết	Đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản	Đơn vị phối hợp thuộc Bộ	Thời hạn
1.	Nghị định quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế; Vụ Kế hoạch - Tài chính; Thanh tra Bộ; Vụ Tổ chức cán bộ; Vụ Khoa học và Công nghệ; Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường; Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Tổng cục Quản lý đất đai; Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Tổng cục Khí tượng Thủy văn; Cục Biến đổi khí hậu; Cục Quản lý tài nguyên nước; Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường	Hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ tháng 9/2021
2.	Nghị định quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn	Cục Biến đổi khí hậu	Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ	Hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ tháng 9/2021
3.	Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	Thanh tra Bộ	Tổng cục Môi trường; Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Tổng cục Quản lý đất đai; Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Tổng cục Khí tượng Thủy văn; Cục Quản lý tài nguyên nước, Vụ Pháp chế	Hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ trước tháng 3/2022
4.	Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với sông, hồ liên tỉnh có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường (điểm b khoản 2 Điều 8)	Tổng cục Môi trường	Cục Quản lý tài nguyên nước; Tổng cục Khí tượng Thủy văn; Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	2021-2025
5.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Khí tượng Thủy văn	2021-2023

STT	Tên văn bản quy định chi tiết	Đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản	Đơn vị phối hợp thuộc Bộ	Thời hạn
	trường không khí (điểm a khoản 2 Điều 14)			
6.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật Bảo vệ môi trường (điểm c khoản 1 Điều 19)	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Quản lý đất đai	2021-2023
7.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống quốc gia kiểm kê khí nhà kính; hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (khoản 3 Điều 91)	Cục Biến đổi khí hậu	Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ	Hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ tháng 10/2021
8.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí về bảo vệ môi trường trong xây dựng và phát triển nông thôn (điểm e khoản 2 Điều 58)	Tổng cục Môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ; Vụ Kế hoạch - Tài chính; Tổng cục Quản lý đất đai	2021
9.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế; Vụ Kế hoạch - Tài chính; Vụ Khoa học và Công nghệ; Vụ Tổ chức cán bộ; Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam; Tổng cục Khí tượng Thủy văn; Cục Quản lý tài nguyên nước; Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường	Ban hành tháng 10/2021
10.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó biến đổi khí hậu	Cục Biến đổi khí hậu	Tổng cục Môi trường	Ban hành tháng 10/2021

PHỤ LỤC 02

Phân công đơn vị soạn thảo nội dung Nghị định và Thông tư quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường
(Kèm theo Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Nội dung văn bản	Đơn vị soạn thảo nội dung	Đơn vị phối hợp chính	Thời hạn
I	Nghị định quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường (66 nội dung)			Hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ tháng 9/2021
	1. Quy định chi tiết nội dung, trình tự, thủ tục ban hành kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt (khoản 4 Điều 9)	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Khí tượng Thủy văn; Cục Quản lý tài nguyên nước; Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	
	2. Quy định chi tiết nội dung, trình tự, thủ tục ban hành kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí (khoản 5 Điều 13)	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Khí tượng Thủy văn; Cục Biến đổi khí hậu	
	3. Quy định chi tiết trách nhiệm thực hiện quản lý chất lượng môi trường không khí (khoản 4 Điều 14)	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Khí tượng Thủy văn; Cục Biến đổi khí hậu	
	4. Quy định chi tiết bảo vệ môi trường đất (khoản 4 Điều 15)	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Quản lý đất đai	
	5. Quy định chi tiết tiêu chí, trình tự, thủ tục và thẩm quyền xác lập, công nhận di sản thiên nhiên quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; trình tự, thủ tục và thẩm quyền đề cử công nhận di sản thiên nhiên quy định tại điểm b khoản 1 Điều này (khoản 3 Điều 20)	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Tổng cục Quản lý đất đai; Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	
	6. Quy định chi tiết điều tra, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên (khoản 4 Điều 21)			
	7. Quy định việc xác định phân vùng môi trường trong Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia (khoản 4 Điều 23)	Tổng cục Môi trường	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	

STT	Nội dung văn bản	Đơn vị soạn thảo nội dung	Đơn vị phối hợp chính	Thời hạn
	8. Quy định việc xác định phân vùng môi trường trong Quy hoạch tỉnh (khoản 2 Điều 24)	Tổng cục Môi trường	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	
	9. Quy định chi tiết danh mục chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quy mô quốc gia, cấp vùng, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có tác động lớn đến môi trường (khoản 3 Điều 25)	Tổng cục Môi trường	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	
	10. Quy định chi tiết khoản 1 và ban hành danh mục loại dự án đầu tư quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 28 (khoản 7 Điều 28)	Tổng cục Môi trường	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường; Cục Quản lý tài nguyên nước	
	11. Quy định chi tiết tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (khoản 7 Điều 33)	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế; Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường; Cục Quản lý tài nguyên nước	
	12. Quy định chi tiết khoản 4 Điều 37 (khoản 7 Điều 37: thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi vận hành)	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế; Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	
	13. Quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường (khoản 6 Điều 43); quy định cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, tước quyền sử dụng, thu hồi giấy phép môi trường (khoản 6 Điều 44)	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế; Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường; Cục Quản lý tài nguyên nước	
	14. Quy định chi tiết công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư sau khi được cấp giấy phép môi trường (khoản 5 Điều 46)	Tổng cục Môi trường	Cục Quản lý tài nguyên nước	
	15. Quy định chi tiết điểm b và điểm c khoản 2 Điều 49 về đối tượng miễn đăng ký môi trường (khoản 8 Điều 49)	Tổng cục Môi trường	Cục Quản lý tài nguyên nước	

STT	Nội dung văn bản	Đơn vị soạn thảo nội dung	Đơn vị phối hợp chính	Thời hạn
	16. Quy định bảo vệ môi trường đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung (khoản 6 Điều 51)	Tổng cục Môi trường	Cục Quản lý tài nguyên nước	
	17. Quy định việc khuyến khích xã hội hóa, ưu đãi, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp (khoản 4 Điều 52)	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Quản lý đất đai	
	18. Quy định chi tiết khoản 2 Điều này về cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng thuộc các trường hợp phải có khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư (khoản 4 Điều 53)	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
	19. Quy định chi tiết và lộ trình thực hiện trách nhiệm tái chế của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (khoản 5 Điều 54)	Vụ Pháp chế	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế gửi dự thảo đến Tổng cục Môi trường trước tháng 4/2021
	20. Quy định thu gom, xử lý chất thải của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (khoản 5 Điều 55)	Vụ Pháp chế	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế gửi dự thảo đến Tổng cục Môi trường trước tháng 4/2021
	21. Quy định bảo vệ môi trường làng nghề (khoản 7 Điều 56)	Tổng cục Môi trường	Cục Quản lý tài nguyên nước	
	22. Quy định việc lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, thiết bị thu gom và lưu chứa tạm thời chất thải trong quá trình thẩm định, cấp giấy phép xây dựng đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 59 (khoản 3 Điều 59)	Tổng cục Môi trường	Cục Quản lý tài nguyên nước	
	23. Quy định việc sử dụng chất thải từ hoạt động chăn nuôi để làm phân bón hữu cơ, nước tưới cây hoặc mục đích khác (khoản 5 Điều 61)	Tổng cục Môi trường	Cục Quản lý tài nguyên nước	

STT	Nội dung văn bản	Đơn vị soạn thảo nội dung	Đơn vị phối hợp chính	Thời hạn
	24. Quy định việc bảo vệ môi trường trong hoạt động mai táng, hỏa táng phù hợp đặc điểm phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo (khoản 1 Điều 63)	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Quản lý đất đai	
	25. Ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích phát triển phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông sử dụng năng lượng tái tạo, mức tiêu hao nhiên liệu thấp, phát thải thấp hoặc không phát thải (khoản 7 Điều 65)	Tổng cục Môi trường	Cục Biến đổi khí hậu	
	26. Ban hành lộ trình chuyển đổi loại bỏ các phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường (khoản 7 Điều 65)	Tổng cục Môi trường	Cục Biến đổi khí hậu	
	27. Quy định chi tiết việc lập, thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (khoản 7 Điều 67)	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	
	28. Quy định yêu cầu đặc thù về bảo vệ môi trường trong vận hành thử nghiệm, quản lý chất thải, quan trắc môi trường đối với hoạt động thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí và các dịch vụ liên quan trên biển (khoản 7 Điều 67)	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	
	29. Quy định chi tiết về bảo vệ môi trường trong quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy theo quy định của Công ước Stockholm và các Công ước có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (điểm d khoản 2 Điều 69)	Tổng cục Môi trường	Cục Biến đổi khí hậu	
	30. Quy định cụ thể đối tượng, điều kiện được phép nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng (khoản 2 Điều 70)	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	
	31. Bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu (khoản 3 Điều 71)	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	

STT	Nội dung văn bản	Đơn vị soạn thảo nội dung	Đơn vị phối hợp chính	Thời hạn
	32. Quy định chi tiết về phòng ngừa, giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải (khoản 8 Điều 72)	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	
	33. Quy định lộ trình hạn chế sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa (khoản 7 Điều 73)	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	
	34. Quy định lộ trình hạn chế xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp (khoản 4 Điều 78)	Tổng cục Môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ	
	35. Cơ quan, tổ chức, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc cơ sở có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng có khối lượng nhỏ theo quy định của Chính phủ được lựa chọn hình thức quản lý chất thải rắn sinh hoạt như hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điều 75 của Luật này hoặc quản lý như đối với quy định tại khoản 4 Điều này. - Cơ quan, tổ chức, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc cơ sở có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng có khối lượng lớn theo quy định của Chính phủ phải chuyển giao cho cơ sở tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải có chức năng phù hợp hoặc chuyển giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển có phương tiện, thiết bị phù hợp đến cơ sở tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải rắn có chức năng phù hợp (khoản 3, khoản 4 Điều 79)	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	
	36. Ban hành chính sách ưu đãi và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xử lý, cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt (khoản 3 Điều 80)	Tổng cục Môi trường	Vụ Kế hoạch - Tài chính	

STT	Nội dung văn bản	Đơn vị soạn thảo nội dung	Đơn vị phối hợp chính	Thời hạn
	37. Đăng ký với cơ quan cấp phép môi trường theo thẩm quyền để được chấp thuận khi có nhu cầu liên kết để vận chuyển các chất thải nguy hại không có trong giấy phép môi trường của mình cho chủ xử lý chất thải nguy hại khác có chức năng phù hợp để xử lý (khoản 5 Điều 85)	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	
	38. Quy định trường hợp đặc thù không phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa (khoản 1 Điều 86)	Tổng cục Môi trường	Cục Quản lý tài nguyên nước	
	39. Chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình do Chính phủ quy định (khoản 1 Điều 105)	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế; Vụ Khoa học và Công nghệ	
	40. Quy định điều kiện hoạt động quan trắc môi trường (khoản 4 Điều 110)	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	
	41. Quy định chi tiết đối tượng phải quan trắc nước thải; thông số, lộ trình thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục; thời gian và tần suất quan trắc nước thải định kỳ (khoản 7 Điều 111)	Tổng cục Môi trường	Cục Quản lý tài nguyên nước	
	42. Quy định chi tiết đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải; thông số, lộ trình thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục; thời gian và tần suất quan trắc bụi, khí thải định kỳ (khoản 7 Điều 112)	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế; Tổng cục Khí tượng Thủy văn	
	43. Quy định chi tiết nội dung và việc quản lý thông tin về môi trường; trình tự, thủ tục, thời điểm và hình thức cung cấp, công khai thông tin về môi trường (khoản 4 Điều 114)	Tổng cục Môi trường	Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường	
	44. Quy định hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường (khoản 3 Điều 115)	Tổng cục Môi trường	Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường	

STT	Nội dung văn bản	Đơn vị soạn thảo nội dung	Đơn vị phối hợp chính	Thời hạn
	45. Quy định chi tiết việc phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (khoản 7 Điều 121)	Vụ Pháp chế	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế gửi dự thảo đến Tổng cục Môi trường trước tháng 4/2021
	46. Quy định trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại và xác định thiệt hại đối với môi trường (khoản 4 Điều 131)	Tổng cục Môi trường	Vụ Kế hoạch - Tài chính; Vụ Pháp chế	
	47. Quy định chi tiết về xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường (khoản 4 Điều 132)	Tổng cục Môi trường	Vụ Kế hoạch - Tài chính; Vụ Pháp chế	
	48. Quy định chi tiết về giám định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường (khoản 4 Điều 135)	Tổng cục Môi trường	Vụ Kế hoạch - Tài chính; Vụ Pháp chế	
	49. Quy định ký quỹ bảo vệ môi trường và mức ký quỹ, hình thức ký quỹ, nguyên tắc áp dụng lãi suất ký quỹ, hoàn trả ký quỹ bảo vệ môi trường (khoản 5 Điều 137)	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam	
	50. Quy định chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên (khoản 5 Điều 138)	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	Tổng cục Môi trường	Viện gửi dự thảo đến Tổng cục Môi trường trước tháng 4/2021
	51. Quy định chi tiết đối tượng phải mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường (khoản 2 Điều 140)	Tổng cục Môi trường	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
	52. Quy định ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường (khoản 5 Điều 141)	Tổng cục Môi trường	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
	53. Quy định tiêu chí, lộ trình, cơ chế khuyến khích thực hiện kinh tế tuần hoàn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước (khoản 4 Điều 142)	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	Tổng cục Môi trường	Viện gửi dự thảo đến Tổng cục Môi trường trước tháng 4/2021

STT	Nội dung văn bản	Đơn vị soạn thảo nội dung	Đơn vị phối hợp chính	Thời hạn
	54. Quy định phát triển ngành công nghiệp môi trường (khoản 3 Điều 143)	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	Tổng cục Môi trường	Viện gửi dự thảo đến Tổng cục Môi trường trước tháng 4/2021
	55. Quy định phát triển dịch vụ môi trường (khoản 5 Điều 144)	Tổng cục Môi trường	Vụ Kế hoạch - Tài chính; Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và Môi trường	
	56. Quy định về sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường (khoản 4 Điều 145)	Tổng cục Môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ	
	57. Quy định về ưu tiên thực hiện mua sắm xanh đối với dự án đầu tư, nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước (khoản 2 Điều 146)	Tổng cục Môi trường	Vụ Kế hoạch – Tài chính	
	58. Quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều 148 về nguồn lực cho bảo vệ môi trường (khoản 7 Điều 148)	Tổng cục Môi trường	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
	59. Ban hành lộ trình thực hiện và cơ chế khuyến khích cấp tín dụng xanh (khoản 5 Điều 149)	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	Tổng cục Môi trường; Vụ Kế hoạch – Tài chính	Viện gửi dự thảo đến Tổng cục Môi trường trước tháng 4/2021
	60. Quy định trái phiếu xanh (khoản 5 Điều 150)			
	61. Quy định nguồn vốn hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh (khoản 3 Điều 151)	Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam	Tổng cục Môi trường; Vụ Kế hoạch – Tài chính	Quỹ gửi dự thảo đến Tổng cục Môi trường trước tháng 4/2021
	62. Quy định chi tiết khoản 3 Điều 158 về cơ quan nhà nước về môi trường các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện để tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội- nghề nghiệp thực hiện các quyền quy định tại khoản 2 Điều này (khoản 4 Điều 158)	Tổng cục Môi trường	Vụ Tổ chức cán bộ	

STT	Nội dung văn bản	Đơn vị soạn thảo nội dung	Đơn vị phối hợp chính	Thời hạn
	63. Quy định chi tiết các khoản 2, 3 và 4 Điều 160 về kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường (khoản 6 Điều 160)	Tổng cục Môi trường	Thanh tra Bộ; Vụ Pháp chế	
	64. Quy định cụ thể trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật này (khoản 4 Điều 167)	Tổng cục Môi trường	Vụ Tổ chức cán bộ	
	65. Quy định chi tiết Điều khoản chuyển tiếp (khoản 6 Điều 171) (nội dung Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi)	Cục Quản lý tài nguyên nước	Tổng cục Môi trường	Cục gửi dự thảo đến Tổng cục Môi trường trước tháng 4/2021
	66. Quy định chi tiết Điều khoản chuyển tiếp (khoản 6 Điều 171) (ngoài nội dung Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi)	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	
II	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (33 nội dung)			Ban hành tháng 10/2021
	1. Hướng dẫn đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với lưu vực sông, hồ; hướng dẫn đánh giá chất lượng môi trường nước mặt; thu thập thông tin, dữ liệu về hiện trạng môi trường nước, nguồn thải và tổng lượng thải vào môi trường nước thuộc lưu vực sông, hồ liên tỉnh (điểm a khoản 2 và b khoản 3 Điều 8)	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Khí tượng Thủy văn; Cục Quản lý tài nguyên nước	
	2. Quy định chi tiết việc bảo vệ môi trường nước dưới đất (khoản 7 Điều 10)	Tổng cục Môi trường	Cục Quản lý tài nguyên nước	

STT	Nội dung văn bản	Đơn vị soạn thảo nội dung	Đơn vị phối hợp chính	Thời hạn
	3. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh, phương pháp đánh giá chất lượng môi trường không khí (điểm b khoản 2 Điều 14)	Tổng cục Môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ	
	4. Quy định chi tiết tiêu chí xác định, phân loại khu vực ô nhiễm môi trường đất theo mức độ ô nhiễm (điểm a khoản 1 Điều 19)	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Quản lý đất đai	
	5. Hướng dẫn xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh (khoản 2 Điều 24)	Tổng cục Môi trường	Vụ Kế hoạch – Tài chính	
	6. Quy định nội dung đánh giá môi trường chiến lược (khoản 3 Điều 27)	Tổng cục Môi trường	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	
	7. Quy định nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường (khoản 2 Điều 32)	Tổng cục Môi trường	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	
	8. Quy định chi tiết việc tổ chức và hoạt động của hội đồng thẩm định; công khai danh sách hội đồng thẩm định; biểu mẫu văn bản, tài liệu của hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thời hạn lấy ý kiến quy định tại điểm d khoản 3 Điều này (khoản 11 Điều 34)	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	
	9. Ban hành mẫu giấy phép môi trường (khoản 5 Điều 40)	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế; Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường; Cục Quản lý tài nguyên nước	
	10. Quy định mẫu đăng ký môi trường và hướng dẫn việc tiếp nhận đăng ký môi trường (khoản 9 Điều 49)	Tổng cục Môi trường		
	11. Hướng dẫn thực hiện các nội dung, tiêu chí về bảo vệ môi trường nông thôn, biện pháp thu gom và xử lý chất thải phù hợp, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, khắc phục ô nhiễm, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường nông thôn (điểm d khoản 2 Điều 58)	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Quản lý đất đai	

STT	Nội dung văn bản	Đơn vị soạn thảo nội dung	Đơn vị phối hợp chính	Thời hạn
	12. Quy định chi tiết việc vận chuyển, xử lý chất thải y tế (khoản 4 Điều 62)	Tổng cục Môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ	
	13. Ban hành mẫu, biểu, hướng dẫn kỹ thuật để tổ chức thực hiện Điều 67 về bảo vệ môi trường trong hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và hoạt động dầu khí (khoản 8 Điều 67)	Tổng cục Môi trường	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	
	14. Quy định và tổ chức thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 69 yêu cầu bảo vệ môi trường trong quản lý chất ô nhiễm khó phân hủy (điểm b khoản 2 Điều 69)	Tổng cục Môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ	
	15. Ban hành danh mục chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải rắn công nghiệp thông thường; yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại (khoản 6 Điều 72)	Tổng cục Môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ	
	16. Hướng dẫn phân loại chất thải rắn sinh hoạt (khoản 2 Điều 75)	Tổng cục Môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ	
	17. Quy định nội dung khoản 2 Điều 76 về yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt (khoản 2 Điều 76)	Tổng cục Môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ	
	18. Ban hành tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hướng dẫn mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn (khoản 5 Điều 78)	Tổng cục Môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ	
	19. Hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt; hướng dẫn việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 79 (khoản 5 Điều 79)	Tổng cục Môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ; Vụ Kế hoạch – Tài chính	

STT	Nội dung văn bản	Đơn vị soạn thảo nội dung	Đơn vị phối hợp chính	Thời hạn
	20. Hướng dẫn đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động (khoản 4 Điều 80)	Tổng cục Môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ	
	21. Quy định khoản 4 Điều 81 về lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường	Tổng cục Môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ	
	22. Ban hành hướng dẫn kỹ thuật và biểu mẫu khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại; hướng dẫn kỹ thuật về phương tiện, thiết bị lưu chứa, vận chuyển, phòng ngừa và ứng phó sự cố trong quá trình vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại; hướng dẫn đăng ký, vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại theo Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại và việc tiêu hủy chúng (khoản 5 Điều 83)	Tổng cục Môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ	
	23. Ban hành tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải nguy hại; hướng dẫn thực hiện điểm g khoản 3 Điều 84 (khoản 4 Điều 84).	Tổng cục Môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ	
	24. Hướng dẫn về công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải tại chỗ (khoản 6 Điều 86)	Tổng cục Môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ	
	25. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và hỗ trợ kỹ thuật quản lý số liệu quan trắc môi trường của địa phương (khoản 1 Điều 113)	Tổng cục Môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ, Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Cục Quản lý tài nguyên nước	
	26. Hướng dẫn triển khai hệ thống thông tin môi trường Bộ, ngành, cấp tỉnh (điểm b khoản 1 Điều 115); hướng dẫn Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai cơ sở dữ liệu về môi trường của mình (điểm b khoản 2 Điều 115)	Tổng cục Môi trường	Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường	
	27. Hướng dẫn triển khai dịch vụ công trực tuyến về môi trường, bảo đảm tính đồng bộ, kết nối, liên thông theo quy định của pháp luật (điểm b khoản 2 Điều 116)	Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên và môi trường	Tổng cục Môi trường	Cục gửi dự thảo đến Tổng cục Môi trường trước tháng 4/2021

STT	Nội dung văn bản	Đơn vị soạn thảo nội dung	Đơn vị phối hợp chính	Thời hạn
	28. Xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác thống kê về môi trường; ban hành bộ chỉ tiêu thống kê về môi trường của ngành tài nguyên và môi trường (khoản 4 Điều 117)	Tổng cục Môi trường	Vụ Kế hoạch – Tài chính	
	29. Hướng dẫn việc xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường; hướng dẫn, tổ chức đánh giá kết quả công tác bảo vệ môi trường của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (khoản 5 Điều 118)	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế; Vụ Tổ chức cán bộ	
	30. Quy định chi tiết nội dung, biểu mẫu và hình thức và thời gian gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (khoản 5 Điều 119)	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	
	31. Hướng dẫn việc lập báo cáo hiện trạng môi trường; hướng dẫn việc triển khai thực hiện, lập báo cáo hiện trạng môi trường của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (khoản 5 Điều 120)	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế	
	32. Quy định chi tiết phục hồi môi trường sau sự cố môi trường (khoản 7 Điều 126)	Vụ Pháp chế	Tổng cục Môi trường	Vụ Pháp chế gửi dự thảo đến Tổng cục Môi trường trước tháng 4/2021
	33. Hướng dẫn việc thống kê, theo dõi và công bố nguồn lực chi cho bảo vệ môi trường (khoản 6 Điều 148)	Tổng cục Môi trường	Vụ Kế hoạch - Tài chính	

PHỤ LỤC 03

**Phân công đơn vị thuộc Bộ phối hợp xây dựng văn bản
quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường do các Bộ, ngành chủ trì soạn thảo**
(Kèm theo Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên văn bản quy định chi tiết	Đơn vị chủ trì soạn thảo	Đơn vị phối hợp thuộc Bộ	Thời hạn ban hành
1.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của cơ quan nhà nước ở trung ương (khoản 2 Điều 45)	Bộ Tài chính	Tổng cục Môi trường; Vụ Pháp chế; Vụ Kế hoạch - Tài chính; Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	10/2021
2.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho các mục đích khác (điểm d khoản 2 Điều 58)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tổng cục Môi trường	10/2021
3.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết việc phân loại, thu gom lưu giữ, quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên các cơ sở y tế (khoản 5 Điều 62)	Bộ Y tế	Tổng cục Môi trường	11/2021
4.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc mai táng, hỏa táng người chết do dịch bệnh nguy hiểm (khoản 5 Điều 63)	Bộ Y tế	Tổng cục Môi trường	11/2021
5.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn và tổ chức thực hiện hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa (khoản 6 Điều 65)	Bộ Giao thông vận tải	Tổng cục Môi trường	10/2021
6.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung theo quy định tại Điều 86 (khoản 7 Điều 86)	Bộ Xây dựng	Tổng cục Môi trường	10/2021
7.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định nội dung, chương trình giáo dục, đào tạo về bảo vệ môi trường và phát triển nguồn nhân lực bảo vệ môi trường (khoản 3 Điều 153)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tổng cục Môi trường; Vụ Tổ chức cán bộ	10/2021